

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 7**

**MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 11**

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG** |
| **Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp** | * Xin lập khoa luật
* Ôn tập Văn học trung đại
 |
| **Hoạt động 1: *Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu*** | 1. **Tài liệu tham khảo:**
* SGK Ngữ Văn 11 – tập một (bản chuẩn)

**Bài 1:** Xin lập khoa luật**Bài 2:** Ôn tập Văn học trung đạiThực hiện trên phần mềm K12**.**1. **Yêu cầu**
* Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở.
* Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học)
* Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào “Phiếu tổng hợp thắc mắc” (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.
 |
| **Hoạt động 2: *Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học*** | Hoàn thành bài tập được giao hoặc “Phiếu học tập” (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV. |

**PHỤ LỤC 1**

**BÀI 1: XIN LẬP KHOA LUẬT**

1. **Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả**

- Nguyễn Trường Tộ (1830-1871)

- Quê : Bùi Chu – Hưng Trung – Hưng Nguyên – Nghệ An.

- Là người thông thạo cả Hán học và Tây học → có tri thức rộng rãi, tầm nhìn xa trông rộng.

**2. Giới thiệu "Xin lập khoa luật"**

Trích từ bản điều trần số 27 : ‘‘Tế cấp bát điều’’ bàn về sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội nhằm mục đích thuyết phục triều đình cho mở khoa luật.

**3. Thể loại và bố cục**

- Điều trần: Thể văn nghị luật chính trị - xã hội, trình bày vấn đề theo từng điều, từng mục.

- Bố cục: 3 phần.

+ Phần 1: Vai trò và tác dụng của luật pháp đối với xã hội.

+ Phần 2: Mối quan hệ giữa luật pháp với đạo Nho, văn chương nghệ thuật.

+ Phần 3: Mối quan hệ giữa luật pháp với đạo đức.

**II. Đọc – hiểu văn bản:**

**1. Nội dung**

- Luật bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: Kỉ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường...

- Việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây rất công bằng, nghiêm minh. Không có ai (kể cả vua chúa) được đứng ngoài, đứng trên luật pháp. Nhà nước xã hội vận hành và phát triển bằng luật pháp. mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là những nhà nước pháp quyền.

a. Vai trò của luật đối với đời sống con người

- Luật có tác dụng cai trị xã hội, duy trì sự tồn tại của đất nước.

Quan dùng luật để cai trị nhân dân, dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ hình phạt nào cũng không vượt khỏi luật. Luật phải đề cao tính dân chủ, gắng với đời sống con người.

Luật còn là đạo đức, đạo làm người « trái luật là có tội, giữ đúng luật là dạo đức » và có « có đạo đức nào lớn hơn chí công vô tư »

( Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp là ở chỗ thống nhất giưã đúng luật và đạo đức. Công bằng, luật pháp là đạo đức. Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư. Trái luật cũng đồng nghĩa với trái đạo đức).

→ Cách lập luận chặt chẽ, sử dụng phương pháp liên tưởng đối chiếu mở rộng tầm nhìn.

b. Điểm hạn chế của Nho học

- Đạo Nho là một thứ luật phong kiến nội dung : không gì lớn bằng trung hiếu, không gì cần thiết bằng lễ nghĩa.

- Theo tác giả Nho học không có truyền thống tôn trọng luật pháp vì chỉ nói suông trên giấy, làm tốt chẳng ai khen, làm dở chẳng ai chê. Đến Khổng Tử cũng công nhận điều này.

**2. Nghệ thuật**

Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực, lời lẽ mêm dẻo, có sức thuyết phục.

**3. Ý nghĩa văn bản**

Bản điều trần thể hiện tư tưởng cấp tiến của Nguyễn Trường Tộ đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

**BÀI 2: ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

**I - NỘI DUNG**

**1. Những biểu hiện của nội dung yêu nước trong văn học từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX? So với giai đoạn trước, nội dung yêu nước trong văn học giai đoạn này có biểu hiện gì mới.**

**Trả lời:**

- Nội dung yêu nước: yêu thiên nhiên, đất nước, niềm tự hào dân tộc, lòng căm thù giặc, ý chí chiến đấu bất khuất chống giặc ngoại xâm.

- Bên cạnh những nội dung yêu nước đã có trong văn học các giai đoạn trước, ở giai đoạn văn học này (từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX) xuất hiện những nội dung mới:

+ Ý thức về vai trò của người trí thức đối với đất nước (Chiểu cầu hiền - Ngô Thì Nhậm)

+ Tư tưởng canh tân đất nước (Xin lập khoa luật - Nguyễn Trường Tộ)

+ Tìm hướng đi mới cho cuộc đời trong hoàn cảnh xã hội bế tắc (Bài ca ngắn đi trên bãi cát - Cao Bá Quát),...

- Chủ nghĩa yêu nước trong văn học nửa cuối thế kỷ XIX còn mang âm hưởng bi tráng, thể hiện đặc biệt rõ nét trong những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

**2. Theo anh (chị) vì sao có thể nói văn học từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa? Hãy chỉ ra những biểu hiện phong phú, đa dạng của nội dung nhân đạo trong giai đoạn này. Anh (chị) hãy cho biết: vấn đề cơ bản nhất của nội dung nhân đạo trong văn học thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX là gì?**

**Trả lời:**

- Văn học từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX xuất hiện một trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Có thể nói, chủ nghĩa nhân đạo trong giai đoạn này trớ thành một trào lưu bởi trong đời sống văn học xuất hiện liên tiếp hàng loạt những tác phẩm mang nội dung nhân đạo có giá trị lớn như Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, thơ Hồ Xuân Hương,...

- Những nội dung chủ đạo chủ yếu thể hiện trong văn học giai đoạn này là:

+ Sự thương cảm trước bi kịch và đồng cảm với khát vọng của con người;

+ Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm, lên án những thế lực tàn bạo chà đạp con người;

+ Đề cao truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của dân tộc.

- Cảm hứng nhân đạo trong giai đoạn này cũng có những biểu hiện mới so với các giai đoạn văn học trước:

+ Hướng vào quyền sống của con người, nhất là con người trần thế (Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương);

+ Ý thức về cá nhân đậm nét hơn (ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân,.... qua các tác phẩm như Đọc Tiểu Thanh kí - Nguyễn Du, Tự tình (bài II) - Hồ Xuân Hương, Bài ca ngất ngưởng - Nguyễn Công Trứ).

**3. Phân tích giá trị phản ánh và phê phán hiện thực của đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh.**

**Trả lời:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm của đoạn trích (Nêu luận điểm của đề)

**b. Thân bài:** Cần triển khai rõ các ý sau:

***\* Bức tranh hiện thực về cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa:***

  - Quang cảnh nơi phủ chúa hiện lên cực kỳ xa hoa, tráng lệ và không kém phần tôn nghiêm. Cảnh nói lên uy quyền tột bậc của nhà chúa. Những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những tiếng dạ ran, những con người oai vệ, những con người khúm núm, sợ sệt… có những cửa gác, mọi việc đều có quan truyền mệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc khám bệnh phải chờ, nín thở, khúm núm, lạy tạ.

  - Cùng với sự xa hoa là cung cách sinh hoạt đầy kiểu cách: từ nơi ở đến tiện nghi, từ vật dụng đến đồ ăn thức uống. Đến cả việc đi đứng, nói năng cũng vô cùng kiểu cách.

***\* Cuộc sống nơi Trịnh phủ thiếu sinh khí vô cùng. Đó cũng là nguyên nhân gây ra sự ốm yếu của thái tử Cán. Sự thâm nghiêm kiểu mê cung càng làm tăng âm khí nơi phủ chúa.***

- Qua cách nói mỉa mai châm biếm của tác giả, ta thấy sự lộng quyền của nhà chúa với quyền uy tối thượng và nếp sống hưởng thụ cực kỳ xa hoa của chúa Trịnh cùng gia đình; sự thật bù nhìn của vua Lê khi ấy… Cuộc sống vật chất đầy đủ giàu sang nhưng phẩm chất tinh thần, ý chí nghị lực trống rỗng. Đó cũng chính là hình ảnh suy yếu mục ruỗng của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh những năm cuối thế kỉ XVIII.

- Qua cách miêu tả người tả cảnh rất khách quan, tác giả đã ngầm phê phán kín đáo cảnh giàu sang xa hoa quyền uy ghê gớm của chúa Trịnh đồng thời thể hiện tâm hồn cao thượng, khát khao cuộc sống tự do không màng danh lợi của vị danh y Hải Thượng Lãn Ông.

**c. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề và liên hệ bản thân.

**4. Những giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu? Tại sao nói, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, lần đầu tiên trong văn học dân tộc có một tượng đài bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ.**

**Trả lời:**

- Giá trị nội dung: Nổi bật nhất trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là nội dung đề cao đạo lý nhân nghĩa qua Truyện Lục Vân Tiên và nội dung yêu nước qua Ngư Tiều y thuật vấn đáp, Chạy Tây và nhất là qua Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.

- Giá trị nghệ thuật: Đóng góp nổi bật nhất của Nguyễn Đình Chiểu về nghệ thuật là tính chất đạo đức - trữ tình, màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật.

- Lý giải: Trước Nguyễn Đình Chiểu, văn học dân tộc chưa có một hình tượng hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ. Trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, hình tượng người anh hùng nông dân nghĩa sĩ mang vẻ đẹp bi tráng bởi ở hình tượng này có sự kết hợp giữa yếu tố bi (đau thương) với yếu tố tráng (hào hùng). Yếu tố bi được gợi lên từ đời sống lam lũ, vất vả, từ nỗi đau thương, mất mát cúa người nghĩa sĩ và tiếng khóc xót đau của người còn sống. Yếu tố tráng thể hiện ớ lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa quân, sự ngợi ca công đức những người đã hi sinh vì quê hương, đất nước. Tiếng khóc trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tiếng khóc đau thương mà lớn lao, cao cả.

**II. PHƯƠNG PHÁP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÁC GIẢ** | **TÁC PHẨM** | **NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT** |
| 1 | Lê Hữu Trác | Vào phủ chúa Trịnh | - Nội dung: Bức tranh về cuộc sống nơi phủ chúa. Và thái độ coi thường danh lợi của tác giả.- Nghệ thuật: quan sát tinh tế, chọn lọc các chi tiết có ý nghĩa, bút pháp hiện thực sâu sắc |
| 2 | Hồ Xuân Hương | Tự tình 2 | - Nội dung: Tâm trạng của Hồ Xuân Hương. Lời thách thức duyên phận, khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc.- Nghệ thuật: sử dụng từ ngữ dân tộc, hình ảnh đặc sắc, việt hóa thơ đường luật. |
| 3 | Nguyễn Khuyến | Câu cá mùa thu | - Nội dung: bức tranh đẹp về mùa thu, tình yêu thiên nhiên và tâm sự thầm kín.- Nghệ thuật: ngôn ngữ trong sáng, giản dụ, sử dụng tử vận khéo kéo, tài tình,… |
| 4 | Trần Tế Xương | Thương vợ | - Nội dung: ca ngợi vợ, thương vợ đồng thời cười chính mình vô dụng.- Nghệ thuật: trào phúng mỉa mai, từ láy, số đếm,… |
| 5 | Nguyễn Công Trứ | Bài ca ngất ngưởng | - Nội dung: Kể về cuộc đời làm quan sau đó về hưu của nhà thơ.- Nghệ thuật: sử dụng từ hán việt, thể hát nói phóng khoáng |
| 6 | Cao Bá Quát | Bài ca ngắn đi trên bãi cát | - Nội dung: biểu lộ sự chán ghét của một trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường và niềm khao khát thay đổi cuộc sống.- Nghệ thuật: thể thơ có tính chất tự do, phóng khoáng, từ ngữ linh hoạt. |
| 7 | Nguyễn Đình Chiểu | Lẽ ghét thương | - Nội dung: tình cảm yêu ghét phân minh, lòng thương dân sâu sắc, ca ngợi đạo lí nhân nghĩa,…- Nghệ thuật: lời thơ mộc mạc, chân chất, giàu cảm xúc,… |
|   | Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc | - Nội dung: Tượng đài bất tử của người nông dân nghĩa sĩ và tiếng khóc bi tráng cho một thời lịch sử đau thương của dân tộc.- Nghệ thuật: khắc họa hình tượng nghĩa sĩ, kết hợp chất trữ tình với hiện thực, ngôn ngữ bình dị, sinh động |
| 8 | Ngô Thì Nhậm | Chiếu cầu hiền | - Nội dung: kể về việc vua Quang Trung lên ngôi hoàng đế và mong người hiền tài ra giúp nước.- Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, luận điểm xác đáng. |
| 9 | Nguyễn Trường Tộ | Xin lập khoa luật | - Nội dung: sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội.- Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng. |

**PHỤ LỤC 3**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Bài tập:**

*Bài tập 1*:

 Anh (chị) hãy chỉ ra những yếu tố mang tính quy phạm và sự sáng tạo trong tính quy phạm ở bài *Câu cá mùa thu.
Bài tập 2:*

1. Nêu một số tác phẩm văn học trung đại mà tên thể loại gắn với tác phẩm.
2. Đặc điểm về hình thức nghệ thuật của thơ đường luật. Tính chất đối được thể hiện như thế nào trong bài thơ thất ngôn bát cú.

**Bài làm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………